TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 17-03-2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Kỷ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lộc

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân

***- Thư ký phiên Tòa*:** Ông Phạm Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu – Nghệ An.

***- Đại diện VKS nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa*:** Không.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2020, tại hội trường Tòa án huyện Diễn Châu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 229/2019/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm HT, xã DH, huyện DC, tỉnh Nghệ An.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28/02/2020)

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1983. Vắng mặt.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 20 tháng 2 năm 2020)

Địa chỉ: Xóm HT, xã DH, huyện DC, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 3/10/2019, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn T kết hôn với nhau vào ngày 26/10/2008 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã DH, huyện

DC, tỉnh Nghệ An. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận cho đến thời gian năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến xô xát. Thậm chí anh T nhiều lần dùng gậy gộc, dao, kéo, đánh chị P, xỉ nhục chị P về mặt danh dự. Chị P không chịu được đã về ngoại sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Hiện chị P thấy không còn tình cảm yêu thương anh T nữa nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn anh Trần Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 5 con chung lần lượt là:

1. Trần Nguyên Đ, sinh ngày 4/5/2009.
2. Trần Thị Hà V, sinh ngày 30/9/2011.
3. Trần Thị Linh C, sinh ngày 11/10/2013
4. Trần Nguyên P, sinh ngày 16/11/2016.
5. Trần Nguyên P1 sinh ngày 29/5/2018.

Ly hôn chị P đề nghị giao ba con chung là Trần Nguyên Đ, Trần Thị Hà V, Trần Thị Linh C cho anh T nuôi dưỡng, chị P nuôi dưỡng hai con chung là Trần Nguyên P và Trần Nguyên P1. Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay con chung là cháu Đạt, cháu Vy, cháu Chi đang ở với anh T, các con chung là cháu P và cháu P1 đang ở với chị P.

- Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 28/02/2020

Tại bản tự khai ngày 20/02/2020 bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 26/10/2008 tại UBND xã DH, huyện DC, tỉnh Nghệ An. Qúa trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn là vì chị P vay tiền của nhiều người anh T không biết, anh T hỏi chị P nhưng chị P không nói sự thật dẫn đến vợ chồng chửi bới đánh đập nhau. Chị P làm đơn xin ly hôn vì thương con anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Anh Trần Văn T thống nhất vợ chồng có năm con chung như chị P trình bày ở trên là đúng.

Nếu ly hôn anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng 3 con chung là Trần Nguyên Đ, Trần Thị Hà V, Trần Thị Linh C và giao hai con chung là Trần Nguyên P và Trần Nguyên P1 cho chị P nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung vợ chồng.

Do bận công việc anh T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 20/02/2020

Tại bản tự khai cháu Trần Nguyên Đ và Trần Thị Hà V có nguyện vọng được ở với bố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh Trần Văn T có nơi cư trú tại xã DH, huyện DC, tỉnh Nghệ An, căn cứ vào Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu – Nghệ An. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào khoản 4 Điều 207 của BLTTDS vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án chỉ tiến hành phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Nguyên đơn chị Nguyễn Thi P và bị đơn anh Trần Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn T kết hôn với nhau vào ngày 26/10/2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã DH, huyện DC, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Nguyên nhân vợ chồng chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn T là do mâu thuẫn trong kinh tế gia đình. Vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn nghiêm trọng tới mức xảy ra cãi vã, đánh đập lẫn nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2019 chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Chị P và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Anh Trần Văn T có nguyện vọng được vợ chồng đoàn tự, tuy nhiên HĐXX xét thấy cuộc sống vợ chồng của chị P và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, HĐXX cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Trần Văn T

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn T có 5 con chung là:

1. Trần Nguyên Đ, sinh ngày 4/5/2009.
2. Trần Thị Hà V, sinh ngày 30/9/2011.
3. Trần Thị Linh C, sinh ngày 11/10/2013
4. Trần Nguyên P, sinh ngày 16/11/2016.
5. Trần Nguyên P1, sinh ngày 29/5/2018.

Hiện nay các con chung là Trần Nguyên Đ, Trần Thị Hà V, Trần Thị Linh C đang ở với anh T. Các con chung là Trần Nguyên P và Trần Nguyên P1 hiện nay do chị P nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng giao quyền nuôi con chung của chị P và anh T phù hợp với thực tế nuôi con, đảm bảo điều kiện mọi mặt của con chung. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của luật hôn nhân và gia đình giao con chung theo đề nghị của chị P và anh T là phù hợp. Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6]. Quyền kháng cáo. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P và bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn T có 05 con chung là Trần Nguyên Đ sinh ngày 4/5/2009. Trần Thị Hà V sinh ngày 30/9/2011. Trần Thị Linh C sinh ngày 11/10/2013. Trần Nguyên P sinh ngày 16/11/2016. Trần Nguyên P, sinh ngày 29/5/2018.

Giao 03 con chung là Trần Nguyên Đ, Trần Thị Hà V, Trần Thị Linh C cho anh Trần Văn T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Giao hai con chung là Trần Nguyên P và Trần Nguyên P1 do chị Nguyễn Thị P trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp tại chị cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo biên lai thu số AA/2018/0004879 ngày 23/12/2019

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- THADS;
- Lưu VP, HS;
- UBND xã DH;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thế Kỷ